



GOETHE-ZERTIFIKAT A2

UND

GOETHE-ZERTIFIKAT A2 FIT IN DEUTSCH

DURCHFÜHRUNGSBESTIMMUNGEN CÁC QUY ĐỊNH TỔ CHỨC THI

Stand: 1. September 2025

Cập nhật: 01.09.2025

Zertifiziert durch
Chứng nhận bởi



**GOETHE
INSTITUT**

Sprache. Kultur. Deutschland.

Durchführungsbestimmungen zu den Prüfungen GOETHE-ZERTIFIKAT A2 und GOETHE-ZERTIFIKAT A2 FIT IN DEUTSCH

Stand: 1. September 2025

Die *Durchführungsbestimmungen* zu den Prüfungen GOETHE-ZERTIFIKAT A2 für Erwachsene und GOETHE-ZERTIFIKAT A2 FIT IN DEUTSCH für Jugendliche sind Bestandteil der *Prüfungsordnung des Goethe-Instituts* in ihrer jeweils aktuellen Fassung.

Die *Durchführungsbestimmungen* beschreiben die Bestandteile der einzelnen Prüfungen und regeln die prüfungsspezifischen Bedingungen der Prüfungsorganisation, des Ablaufs und der Bewertung sowie die Berechnung der Prüfungsergebnisse.

Die Prüfungen GOETHE-ZERTIFIKAT A2 und GOETHE-ZERTIFIKAT A2 FIT IN DEUTSCH werden vom Goethe-Institut getragen. Sie werden an den in § 2 der *Prüfungsordnung* genannten Prüfungszentren weltweit nach einheitlichen Kriterien durchgeführt und bewertet.

Die Prüfungen dokumentieren die zweite Stufe – A2 – der im *Gemeinsamen europäischen Referenzrahmen für Sprachen (GER)* beschriebenen sechsstufigen Kompetenzskala und damit die Fähigkeit zur elementaren Sprachverwendung.

Die Prüfungen GOETHE-ZERTIFIKAT A2 und GOETHE-ZERTIFIKAT A2 FIT IN DEUTSCH haben das gleiche Format, die folgenden Paragraphen gelten gleichermaßen für beide Prüfungen.

§ 1 Prüfungsbeschreibung

Siehe hierzu auch *Prüfungsordnung* § 1.

1.1 Bestandteile der Prüfung

Die Prüfung besteht aus folgenden obligatorischen Teilprüfungen:

- schriftliche Prüfung,
- mündliche Prüfung.

Các quy định tổ chức kỳ thi GOETHE-ZERTIFIKAT A2 và GOETHE -ZERTIFIKAT A2 FIT IN DEUTSCH

Cập nhật: 01.09.2025

Các quy định tổ chức kỳ thi GOETHE-ZERTIFIKAT A2 dành cho người trưởng thành và GOETHE-ZERTIFIKAT A2 FIT IN DEUTSCH dành cho thanh thiếu niên là một phần thuộc *Quy chế thi* hiện hành của Viện Goethe. *Các quy định tổ chức thi* miêu tả cấu trúc của từng kỳ thi và quy định các điều kiện cụ thể về việc tổ chức thi, quy trình thi, chấm điểm cũng như cách tính kết quả thi.

Các kỳ thi GOETHE-ZERTIFIKAT A2 và GOETHE-ZERTIFIKAT A2 FIT IN DEUTSCH được thực hiện bởi viện Goethe. Các kỳ thi này được tổ chức và chấm điểm theo các tiêu chí thống nhất tại các trung tâm tổ chức thi trên toàn cầu có nêu trong § 2 của *Quy chế thi*.

Các kỳ thi này chứng nhận bậc trình độ thứ hai - A2 trong thang đánh giá năng lực gồm 6 bậc được mô tả trong *Khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu (GER)* và theo đó chứng nhận khả năng sử dụng ngôn ngữ ở mức cơ bản.

Các kỳ thi GOETHE-ZERTIFIKAT A2 và GOETHE-ZERTIFIKAT A2 FIT IN DEUTSCH có cùng định dạng; những mục quy định dưới đây áp dụng như nhau cho cả hai kỳ thi.

§ 1 Mô tả kỳ thi

Xem thêm *Quy chế thi* § 1

1.1 Cấu trúc kỳ thi

Kỳ thi bao gồm các phần thi bắt buộc sau:

- phần thi viết,
- phần thi nói.

1.2 Prüfungsmaterialien

Die Prüfungsmaterialien bestehen aus *Kandidatenblättern* und dem *Antwortbogen* (*Lesen, Hören, Schreiben*), *Prüferblättern* und den Bögen *Schreiben – Bewertung, Sprechen – Bewertung, Schreiben – Ergebnis, Sprechen – Ergebnis* sowie einer Audiodatei.

Die *Kandidatenblätter* enthalten die Aufgaben für die Prüfungsteilnehmenden:

- Texte und Aufgaben zum Prüfungsteil LESEN (Teil 1–4);
- Aufgaben zum Prüfungsteil HÖREN (Teil 1–4);
- Aufgaben zum Prüfungsteil SCHREIBEN (Teil 1 und 2).

Im Prüfungsteil SPRECHEN erhalten die Prüfungsteilnehmenden Aufgabenkarten (Teil 1–3).

In den *Antwortbogen* tragen die Prüfungsteilnehmenden ihre Lösungen bzw. ihren Text ein.

Die *Prüferblätter* enthalten

- die Lösungen zu den Prüfungsteilen LESEN und HÖREN;
- die Transkripte der Hörtexte;
- Bewertungskriterien SCHREIBEN und SPRECHEN;
- Leistungsbeispiele für das Niveau A2 für den Prüfungsteil SCHREIBEN;
- Hinweise zur Gesprächsführung und Moderation für den Prüfungsteil SPRECHEN.

In den *Antwortbogen* zu den Prüfungsteilen LESEN, HÖREN, SCHREIBEN und in die Bögen *Schreiben – Bewertung* und *Sprechen – Bewertung* tragen die Prüfenden ihre Bewertung ein. Die Bewertungen werden jeweils auf die Bögen *Schreiben – Ergebnis* und *Sprechen – Ergebnis* übertragen.

Die Audiodatei enthält die Texte zum Prüfungsteil HÖREN sowie alle Anweisungen, Pausen und Übertragungszeiten.

1.3 Prüfungssätze

Die Materialien zu den schriftlichen Prüfungsteilen sind jeweils in *Prüfungssätzen* zusammengefasst. Die Materialien zum Prüfungsteil SPRECHEN können mit den schriftlichen *Prüfungssätzen* beliebig kombiniert werden.

1.2 Tài liệu thi

Tài liệu thi bao gồm *Tài liệu thi dành cho thí sinh* và *Phiếu trả lời* (*Đọc, Nghe, Viết*), *Tài liệu thi dành cho người chấm thi* và *Phiếu chấm Viết, Phiếu chấm Nói, Phiếu Kết quả Viết, Phiếu Kết quả Nói* cũng như tệp file nghe.

Tài liệu thi dành cho thí sinh bao gồm các đề bài cho thí sinh:

- đoạn văn bản và đề bài cho phần ĐỌC (Phần 1–4);
- đề bài cho phần NGHE (Phần 1–4);
- đề bài cho phần VIẾT (Phần 1 và 2);

Trong phần thi NÓI, thí sinh nhận được các phiếu đề bài (phần 1–3)

Thí sinh ghi các đáp án và bài viết của mình vào *Phiếu trả lời*.

Tài liệu dành cho người chấm thi bao gồm:

- đáp án cho các phần thi ĐỌC và NGHE;
- lời thoại của các bài nghe;
- các tiêu chí chấm thi VIẾT và NÓI;
- bài mẫu cho trình độ A2 phần thi VIẾT;
- các hướng dẫn thực hiện và dẫn dắt phần thi NÓI

Người chấm thi ghi phần đánh giá của mình vào *Phiếu trả lời* cho các phần thi ĐỌC, NGHE, VIẾT và vào *Phiếu chấm Viết* và *Phiếu chấm Nói*. Kết quả được chuyển vào *Phiếu Kết quả Viết* và *Phiếu Kết quả Nói*

Tệp file nghe bao gồm các bài cho phần thi NGHE cũng như tất cả các thông tin hướng dẫn, thời gian nghỉ, thời gian điền đáp án vào *Phiếu trả lời*.

1.3 Đề thi

Tài liệu các phần thi viết được tập hợp thành bộ đề thi. Các đề thi NÓI có thể được kết hợp cùng tập đề thi viết một cách linh hoạt.

1.4 Zeitliche Organisation

Die schriftliche Prüfung findet in der Regel vor der mündlichen statt. Falls schriftliche und mündliche Prüfung nicht am selben Tag stattfinden, liegen zwischen schriftlicher und mündlicher Prüfung maximal 14 Tage.

Die schriftliche Prüfung dauert ohne Pausen insgesamt 90 Minuten:

Prüfungsteil	Dauer
LESEN	30 Minuten
HÖREN	ca. 30 Minuten
SCHREIBEN	30 Minuten
Gesamt	90 Minuten

Der Prüfungsteil SPRECHEN wird in der Regel als Paarprüfung durchgeführt, in Ausnahmefällen ist auch eine Einzelprüfung möglich. Die Paarprüfung dauert insgesamt 15 Minuten, die Einzelprüfung 10 Minuten. Es gibt keine Vorbereitungszeit.

Für Prüfungsteilnehmende mit spezifischem Bedarf können die angegebenen Zeiten verlängert werden. Einzelheiten sind in den *Ergänzungen zu den Durchführungsbestimmungen: Prüfungsteilnehmende mit spezifischem Bedarf* geregelt.

1.5 Protokoll über die Durchführung der Prüfung

Über die Durchführung der Prüfung wird ein Protokoll geführt, das besondere Vorkommnisse während der Prüfung festhält und mit den Prüfungsergebnissen archiviert wird.

§ 2 Die schriftliche Prüfung

Für die schriftliche Prüfung wird folgende Reihenfolge empfohlen: LESEN – HÖREN – SCHREIBEN. Aus organisatorischen Gründen kann die Reihenfolge der Prüfungsteile von den Prüfungszentren geändert werden.

Zwischen den Prüfungsteilen ist keine Pause vorgesehen.

1.4 Thời gian thi

Thông thường phần thi viết diễn ra trước phần thi nói. Trường hợp phần thi viết và nói không diễn ra trong cùng một ngày thì thời hạn tối đa giữa hai phần thi là 14 ngày.

Phần thi Viết kéo dài tổng cộng 90 phút không có nghỉ giải lao:

Phần thi	Thời gian thi
ĐỌC	30 phút
NGHE	khoảng 30 phút
VIẾT	30 phút
Tổng cộng	90 phút

Phần thi NÓI thường được tiến hành theo cặp, trong trường hợp ngoại lệ cũng có thể tiến hành theo hình thức thi riêng từng thí sinh. Phần thi nói theo cặp kéo dài tổng cộng 15 phút và thi riêng từng thí sinh kéo dài 10 phút. Thí sinh không có thời gian chuẩn bị trước.

Đối với những thí sinh có hoàn cảnh đặc biệt thì thời gian thi nêu trên có thể kéo dài hơn. Chi tiết về mục này được nêu trong *Các quy định tổ chức thi bổ sung: Những thí sinh có hoàn cảnh đặc biệt*.

1.5 Biên bản tổ chức thi

Quá trình tổ chức thi được ghi lại trong Biên bản thi, trong đó nêu những sự việc đặc biệt diễn ra trong quá trình thi và được lưu trữ cùng với kết quả thi.

§ 2 Phần thi viết

Phần thi viết được gợi ý thực hiện theo trình tự: NGHE – ĐỌC – VIẾT. Vì những lý do về tổ chức, trình tự thi này có thể được thay đổi bởi trung tâm tổ chức thi.

Giữa các phần thi không có nghỉ giải lao.

2.1 Vorbereitung

Vor dem Prüfungstermin bereitet der/die Prüfungsverantwortliche unter Beachtung der Geheimhaltung die Prüfungsmaterialien vor. Dazu gehört auch eine inhaltliche Überprüfung inklusive der Audiodatei sowie deren Funktionalität.

2.2 Ablauf

Vor Beginn der Prüfung weisen sich alle Teilnehmenden aus. Die Aufsichtsperson gibt danach alle notwendigen organisatorischen Hinweise.

Vor Beginn der jeweiligen Prüfungsteile werden die entsprechenden *Kandidatenblätter* und der *Antwortbogen* ausgegeben. Die Teilnehmenden tragen alle erforderlichen Daten auf dem *Antwortbogen* ein; erst dann beginnt die eigentliche Prüfungszeit.

Die *Kandidatenblätter* zu den jeweiligen Prüfungsteilen werden ohne Kommentar ausgegeben; alle Aufgabenstellungen sind auf den *Kandidatenblättern* erklärt. Am Ende der schriftlichen Prüfung werden alle Unterlagen eingesammelt. Beginn und Ende der Prüfungszeit werden jeweils in geeigneter Form von der Aufsichtsperson mitgeteilt.

Für die schriftliche Prüfung gilt folgender Ablauf:

1. Die Prüfung beginnt in der Regel mit dem Prüfungsteil LESEN. Die Teilnehmenden markieren ihre Lösungen auf den *Kandidatenblättern* und übertragen sie am Ende auf den *Antwortbogen*. Für das Übertragen ihrer Lösungen planen die Teilnehmenden circa 3 Minuten innerhalb der Prüfungszeit ein.
2. Nach dem Prüfungsteil LESEN wird der Tonträger für den Prüfungsteil HÖREN von der Aufsichtsperson gestartet. Die Teilnehmenden markieren ihre Lösungen zunächst auf den *Kandidatenblättern* und übertragen sie am Ende auf den *Antwortbogen*. Für das Übertragen ihrer Lösungen auf den *Antwortbogen* stehen den Teilnehmenden circa 3 Minuten innerhalb der Prüfungszeit zur Verfügung.

2.1 Chuẩn bị thi

Trước kỳ thi, người phụ trách tổ chức kỳ thi chuẩn bị tài liệu thi theo nguyên tắc bảo mật. Việc chuẩn bị cũng bao gồm cả việc kiểm tra lại nội dung đề thi và kiểm tra tệp file nghe xem có hoạt động không.

2.2 Quy trình thi

Trước khi bắt đầu thi, các thí sinh trình chứng minh nhân thân. Sau đó, giám thị coi thi thông báo tất cả các hướng dẫn cần thiết thuộc về khâu tổ chức.

Trước khi bắt đầu các phần thi, thí sinh được phát *Tài liệu dành cho thí sinh* cùng *Phiếu trả lời*. Thí sinh điền đầy đủ tất cả các thông tin yêu cầu vào *Phiếu trả lời* này. Sau đó, thời gian thi mới chính thức bắt đầu.

Tài liệu thi dành cho thí sinh cho các phần thi được phát mà không có bất cứ bình luận nào; tất cả các yêu cầu đề bài đã được giải thích trong *Tài liệu thi dành cho thí sinh*. Sau phần thi, tất cả các tài liệu thi được thu lại. Giám thị coi thi thông báo thời điểm bắt đầu và kết thúc giờ thi thông qua hình thức phù hợp.

Phần thi Viết diễn ra theo trình tự sau:

1. Kỳ thi thường bắt đầu với phần thi ĐỌC. Thí sinh đánh dấu đáp án của mình vào *Tài liệu thi dành cho thí sinh* trước, sau cùng chuyển kết quả vào *Phiếu trả lời*. Các thí sinh dành khoảng 3 phút trong khoảng thời gian thi để chuyển câu trả lời của mình vào *Phiếu trả lời*.
2. Sau phần thi ĐỌC, giám thị coi thi bật tệp file nghe để bắt đầu phần thi NGHE. Thí sinh đánh dấu đáp án của mình trước hết vào *Tài liệu thi dành cho thí sinh* và sau đó chuyển kết quả này vào *Phiếu trả lời*. Thí sinh có khoảng 3 phút trong tổng thời gian thi để chuyển đáp án của mình vào *Phiếu trả lời*.

3. Danach bearbeiten die Teilnehmenden den Prüfungsteil SCHREIBEN. Die Texte werden direkt auf dem *Antwortbogen* verfasst.

3. Sau đó, thí sinh làm phần thi VIẾT. Thí sinh viết bài trực tiếp vào *Phiếu trả lời*.

§ 3 Der Prüfungsteil SPRECHEN

Das Einführungsgespräch einschließlich Vorstellung der Prüfenden und des/der Teilnehmenden dauert circa eine Minute.

Teil 1 dauert circa 3 Minuten, Teil 2 circa 3 Minuten pro Teilnehmenden und Teil 3 circa 5 Minuten.

§ 3 Phần thi NÓI

Phần mở đầu bao gồm giới thiệu của người hỏi thi và của thí sinh kéo dài khoảng một phút.

Phần 1 kéo dài khoảng 3 phút, phần 2 khoảng 3 phút mỗi thí sinh và phần 3 khoảng 5 phút.

3.1 Organisation

Für die Prüfung steht ein geeigneter Raum zur Verfügung. Tisch- und Sitzordnung werden so gewählt, dass eine freundliche Prüfungsatmosphäre entsteht. Die Zusammenstellung der Teilnehmenden der Paarprüfung erfolgt nach dem Zufallsprinzip.

Wie in der schriftlichen Prüfung muss die Identität der Teilnehmenden vor Beginn der mündlichen Prüfung, gegebenenfalls auch während der mündlichen Prüfung, zweifelsfrei festgestellt werden.

3.1 Khâu tổ chức

Một phòng phù hợp được bố trí cho kỳ thi. Việc sắp xếp bàn và ghế phải đảm bảo tạo được bầu không khí thi cử thân thiện. Việc sắp xếp các cặp thi được thực hiện theo quy tắc ngẫu nhiên.

Giống như trong phần thi viết, danh tính của thí sinh dự thi phải được xác định rõ ràng trước khi phần thi NÓI bắt đầu, trong trường hợp cần thiết ngay cả khi phần thi NÓI đang diễn ra.

3.2 Vorbereitung

Es gibt keine Vorbereitungszeit. Die Teilnehmenden erhalten die Aufgabenstellung direkt in der Prüfung.

3.2 Chuẩn bị thi

Thí sinh không có thời gian chuẩn bị trước. Thí sinh nhận đề thi ngay trong buổi thi.

3.3 Ablauf

Der Prüfungsteil SPRECHEN wird von zwei Prüfenden durchgeführt. Eine/-r der Prüfenden moderiert das Prüfungsgespräch. Beide Prüfenden bewerten die Prüfungsleistungen unabhängig voneinander.

3.3 Quy trình thi

Phần thi NÓI được điều hành bởi hai người hỏi thi. Một trong hai người hỏi thi chịu trách nhiệm dẫn dắt phần thi. Cả hai người tham gia hỏi thi đánh giá kết quả thi độc lập.

Für den Prüfungsteil SPRECHEN gilt folgender Ablauf:

Zu Beginn begrüßen die Prüfenden die Teilnehmenden, stellen sich selbst kurz vor und fragen die Teilnehmenden nach ihrem Namen, ihrer Herkunft o.Ä. Vor Beginn jedes Prüfungsteiles erläutert der/die Moderierende die Aufgabenstellung und verdeutlicht diese in Teil 1 anhand eines Beispiels. Außerdem entscheidet er/sie, welche/-r Teilnehmende beginnt.

1. In Teil 1 formulieren die Teilnehmenden nacheinander anhand der Stichworte auf den Aufgabenkarten vier Fragen und beantworten die Fragen des Partners/der Partnerin. In einer Einzelprüfung spricht der/die Teilnehmende mit einem/einer Prüfenden.
2. In Teil 2 erzählt jede/-r Teilnehmende anhand der Stichworte auf der Aufgabenkarte etwas über sich und beantwortet am Ende eine oder zwei Fragen des/der Prüfenden dazu.
3. In Teil 3 planen die Teilnehmenden anhand von Aufgabenkarten etwas gemeinsam, indem sie Fragen stellen, Vorschläge machen und auf diese reagieren. In einer Einzelprüfung spricht der/die Teilnehmende mit einem/einer Prüfenden.

Am Ende der Prüfung werden alle Unterlagen eingesammelt.

§ 4 Bewertung schriftliche Prüfung

Die Bewertung der schriftlichen Prüfungsteile findet im Prüfungszentrum oder in ausgewiesenen Diensträumen statt. Die Bewertung erfolgt jeweils durch zwei unabhängig Bewertende. Bei der Bewertung werden nur auf dem *Antwortbogen* eingetragene Antworten berücksichtigt.

Die Ergebnisse aus der schriftlichen Prüfung werden nicht an die Prüfenden der mündlichen Prüfung weitergegeben.

4.1 LESEN

Im Prüfungsteil LESEN gibt es 20 Items. Jedes Item ist ein Messpunkt. Pro Messpunkt und Lösung werden entweder 1 Punkt oder 0 Punkte vergeben. Die addierten Messpunkte werden in den *Antwortbogen* eingetragen und von beiden Bewertenden mit Unterschrift gezeichnet.

Phần thi NÓI diễn ra theo trình tự sau:

Mở đầu phần thi, người hỏi thi chào hỏi thí sinh, giới thiệu ngắn gọn về mình và hỏi thí sinh về tên, quê quán hay những thông tin tương tự. Trước mỗi phần thi, người dẫn dắt phần thi giải thích cho thí sinh biết nhiệm vụ của phần thi và cụ thể hóa thông qua một ví dụ. Ngoài ra, người dẫn phần thi cũng quyết định thí sinh nào bắt đầu thi trước.

1. Ở phần 1, thí sinh lần lượt đặt 4 câu hỏi dựa vào những từ khoá trên các thẻ đề bài và trả lời các câu hỏi của bạn cùng thi. Trong kỳ thi riêng lẻ, thí sinh nói với một người hỏi thi.
2. Ở phần 2 mỗi thí sinh dựa vào từ gợi ý trên thẻ đề bài kể một chút về bản thân và cuối cùng trả lời 1 hoặc 2 câu hỏi của người hỏi thi.
3. Ở phần 3, các thí sinh dựa vào các thẻ đề bài để cùng nhau lên kế hoạch làm một việc gì đó, bằng cách đặt câu hỏi, đưa ra đề xuất và đối đáp lại những gợi ý bạn thi cùng nêu lên. Trong kỳ thi riêng lẻ, thí sinh nói với một người hỏi thi.

Tất cả các tài liệu thi được thu lại khi kết thúc phần thi.

\$4 Chấm điểm phần thi viết

Việc chấm bài thi viết diễn ra tại trung tâm tổ chức thi hoặc trong các phòng được chỉ định. Việc chấm thi được thực hiện bởi hai người chấm độc lập. Trong quá trình chấm thi, chỉ chấm những phần đáp án đã được điền vào tờ *Phiếu trả lời*.

Kết quả kỳ thi viết không được chuyển cho người hỏi phần thi nói.

4.1 ĐỌC

Phần thi ĐỌC có 20 câu. Mỗi câu là một điểm quy chiếu. Mỗi điểm quy chiếu và một đáp án được chấm 1 hoặc 0 điểm. Tổng điểm quy chiếu được điền vào tờ *Phiếu trả lời* và được ký bởi 2 người chấm thi.

Die Messpunkte werden auf 25 Ergebnispunkte umgerechnet. Dazu werden sie mit 1,25 multipliziert.

Điểm quy chiếu được chuyển đổi sang thang điểm 25 bằng cách nhân điểm quy chiếu đạt được với hệ số 1,25.

4.2 HÖREN

Im Prüfungsteil HÖREN gibt es 20 Items. Jedes Item ist ein Messpunkt. Pro Messpunkt und Lösung werden entweder 1 Punkt oder 0 Punkte vergeben. Die addierten Messpunkte werden in den *Antwortbogen* eingetragen und von beiden Bewertenden mit Unterschrift gezeichnet.

Die Messpunkte werden auf 25 Ergebnispunkte umgerechnet. Dazu werden sie mit 1,25 multipliziert.

4.2 NGHE

Phần thi NGHE có 20 câu. Mỗi câu là một điểm quy chiếu. Mỗi điểm quy chiếu và một đáp án được chấm 1 hoặc 0 điểm. Tổng điểm quy chiếu được điền vào *tờ Phiếu trả lời* và được ký bởi 2 người chấm thi.

Điểm quy chiếu được chuyển đổi sang thang điểm 25 bằng cách nhân điểm quy chiếu đạt được với hệ số 1,25.

4.3 SCHREIBEN

Die Bewertung des Prüfungsteils SCHREIBEN erfolgt durch zwei voneinander unabhängig Bewertende nach festgelegten Bewertungskriterien, Bewertung 1 und Bewertung 2 (s. *Modellsatz*, Teil *Prüferblätter*). Es werden nur die auf dem Bogen *Schreiben – Bewertung* vorgegebenen Punktwerte für jedes der Kriterien vergeben; Zwischenwerte sind nicht zulässig. Die für die Vergabe der Punkte relevanten Fehlgänge etc. können auf dem Bogen *Schreiben – Bewertung* notiert werden. Die vergebenen Messpunkte werden addiert und vom Bewertenden unter Angabe der jeweiligen Bewerbernummer mit Unterschrift gezeichnet.

Die jeweiligen Punktwerte von Bewertung 1 und Bewertung 2 werden auf den Bogen *Schreiben – Ergebnis* übertragen. Zur Ermittlung der Punktzahl Schreiben wird das arithmetische Mittel aus den beiden Bewertungen gezogen. Eine **Drittbewertung** (= Bewertung 3) erfolgt, wenn die vergebenen Punktzahlen für den Prüfungsteil SCHREIBEN der/des einen Bewertenden **unterhalb** der Bestehensgrenze und der/des anderen Bewertenden **oberhalb** der Bestehensgrenze liegen und dabei **das arithmetische Mittel** aus beiden Bewertungen **unter der Bestehensgrenze** von 12 Messpunkten liegt. Die Punkte werden auf dem Bogen *Schreiben – Ergebnis* eingetragen. Der Bogen *Schreiben – Ergebnis* wird als rechnerisch richtig gezeichnet und im Falle einer Drittbewertung von dem/der Drittbewertenden unterschrieben.

4.3 VIẾT

Phần thi VIẾT được đánh giá độc lập bởi hai người chấm thi theo những tiêu chí được quy định, phần đánh giá 1 và đánh giá 2 (xem *Bài thi mẫu*, phần *Tài liệu dành cho người chấm thi*). Chỉ những thang điểm quy định trên *Phiếu chấm Viết* đối với từng tiêu chí mới được chấp nhận; điểm không thuộc thang điểm không được chấp nhận. Những lỗi sai, v.v. chú giải điểm đã cho có thể được ghi lại ở *Phiếu chấm Viết*. Các điểm quy chiếu đã cho được cộng lại và có chữ ký xác nhận của người chấm thi kèm theo mã số.

Số điểm trên Phiếu đánh giá 1 và Phiếu đánh giá 2 được chuyển vào *Phiếu Kết quả thi Viết*. Kết quả của phần thi viết là số điểm trung bình cộng từ hai phiếu đánh giá. Bài thi viết sẽ được **chấm lại lần thứ 3** (= Phiếu đánh giá 3) nếu một người chấm điểm phần thi VIẾT **thấp hơn** mức đỗ và người còn lại chấm điểm **cao hơn** mức đỗ và do đó, **điểm trung bình cộng** của hai phiếu đánh giá **thấp hơn mức đỗ** là 12 điểm quy chiếu. Số điểm được ghi vào *Phiếu Kết quả Viết*. *Phiếu Kết quả Viết* được ký xác nhận về tính chính xác và trong trường hợp bài được chấm lần thứ 3 thì cần được người chấm thứ ba ký xác nhận.

Im Prüfungsteil SCHREIBEN sind insgesamt maximal 20 Messpunkte erreichbar, die auf volle Punkte gerundet und mit dem Faktor 1,25 zu maximal 25 Ergebnispunkten multipliziert werden.

§ 5 Bewertung Prüfungsteil SPRECHEN

Die Teile 1 bis 3 des Prüfungsteils SPRECHEN werden von zwei Prüfenden getrennt bewertet.

Die Bewertung erfolgt nach festgelegten Bewertungskriterien (s. *Modellsatz*, Teil *Prüferblätter*). Es werden nur die auf dem Bogen *Sprechen – Ergebnis* vorgesehenen Punktwerte vergeben. Zwischenwerte sind nicht zulässig.

Im Prüfungsteil SPRECHEN sind maximal 25 Ergebnispunkte erreichbar. Es werden nur die auf dem Bogen *Sprechen – Bewertung* vorgesehenen Punktwerte für jedes der Kriterien vergeben.

Das Einführungsgespräch wird nicht bewertet.

Während der Prüfung oder direkt danach notiert jede/-r Bewertende seine/ihre Bewertungen auf dem *Bogen Sprechen Bewertung* und zeichnet diesen mit Bewerbernummer und Unterschrift.

Zur Ermittlung des Ergebnisses des Prüfungsteils SPRECHEN wird aus beiden Bewertungen das arithmetische Mittel gezogen und auf volle Punkte gerundet (bis 0,49 wird abgerundet, ab 0,5 wird aufgerundet).

Das Ergebnis des Prüfungsteils SPRECHEN wird auf dem Bogen *Sprechen – Ergebnis* festgehalten und als rechnerisch richtig gezeichnet. Alternativ können die Bewertungen der Prüfenden auch in eine digitale Bewertungsmaske eingegeben werden; unabhängig davon, ob eine papierbasierte oder digitale Prüfung gebucht wurde. Die Prüfenden und Bewertenden authentifizieren sich auf der Testplattform durch individuelle Login-Daten; daher entfällt die Notwendigkeit einer Unterschrift.

§ 6 Gesamtergebnis

6.1 Ermittlung der Gesamtpunktzahl

Zur Ermittlung der Gesamtpunktzahl werden die in den einzelnen Prüfungsteilen erreichten Ergebnispunkte addiert und auf volle Punkte gerundet.

Phần thi VIẾT có thể đạt tối đa 20 điểm quy chiếu. Điểm này được làm tròn và nhân với hệ số 1,25 để cho ra số điểm kết quả tối đa là 25.

§ 5 Chấm điểm phần thi NÓI

Các phần từ 1 đến 3 của phần thi NÓI được đánh giá độc lập bởi hai người chấm thi.

Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí đã được quy định (xem *Bài thi mẫu*, phần *Tài liệu dành cho người hỏi thi*). Chỉ những thang điểm quy định trên *Phiếu Kết quả Nói* mới được chấp nhận; điểm không thuộc thang điểm không được chấp nhận.

Điểm kết quả của phần thi NÓI tối đa là 25 điểm. Chỉ những thang điểm quy định trên *Phiếu chấm điểm Nói* đối với từng tiêu chí mới được chấp nhận.

Phần giới thiệu làm quen ban đầu không được chấm điểm.

Trong hoặc ngay sau khi phần thi nói diễn ra, người hỏi thi cho điểm của mình vào tờ *Phiếu chấm thi Nói*, ký và ghi mã số chấm thi của mình.

Kết quả của phần thi NÓI là giá trị trung bình cộng của hai phần điểm đánh giá và được làm tròn (điểm lẻ đến 0,49 được làm tròn xuống, từ 0,5 được làm tròn lên).

Kết quả của phần thi NÓI được ghi vào *Phiếu kết quả Nói* và được ký xác nhận là đã tính chính xác.

Người chấm thi cũng có thể cho điểm trên phiếu đánh giá ở dạng điện tử, không phân biệt thí sinh trước đó đã đăng ký thi dạng đề in trên giấy hay thi dạng điện tử trên máy.

Người hỏi thi và chấm thi xác thực danh tính trên hệ thống thi thông qua mã đăng nhập cá nhân nên không cần ký xác nhận.

§ 6 Kết quả thi

6.1 Cách tính tổng điểm thi

Để tính tổng điểm của toàn bộ kỳ thi thì cộng tổng số điểm đạt được của các phần thi riêng lẻ và làm tròn.

6.2 Punkte und Prädikate

Die Prüfungsleistungen werden in Form von Punkten und Prädikaten dokumentiert. Es gelten folgende Punkte und Prädikate für die Gesamtprüfung:

Punkte	Prädikat
100-90	sehr gut
89-80	gut
79-70	befriedigend
69-60	ausreichend
59-0	nicht bestanden

6.2 Điểm số và xếp loại

Kết quả thi được thể hiện dưới dạng điểm số và xếp loại. Thang điểm và xếp loại cho cả kỳ thi như sau:

Điểm	Xếp loại
100-90	Giỏi
89-80	khá
79-70	Trung bình khá
69-60	Trung bình
59-0	Không đạt

6.3 Bestehen der Prüfung

Maximal können 100 Punkte erreicht werden, 75 Punkte im schriftlichen Teil und 25 Punkte im mündlichen Teil. Die Prüfung ist bestanden, wenn insgesamt mindestens 60 Punkte (60 % der Maximalpunktzahl) erzielt und alle Prüfungsteile abgelegt wurden. Hiervon müssen mindestens 45 Punkte in der schriftlichen Prüfung und mindestens 15 Punkte in der mündlichen Prüfung erreicht werden. Andernfalls gilt die gesamte Prüfung als nicht bestanden.

6.3 Điều kiện đỗ kỳ thi

Điểm tối đa có thể đạt là 100, trong đó 75 điểm cho phần thi viết và 25 điểm cho phần thi nói. Thí sinh đỗ kỳ thi nếu đạt tối thiểu 60 điểm (60% số điểm tối đa) và tham dự tất cả các phần thi. Trong đó, thí sinh phải đạt tối thiểu 45 điểm cho phần thi viết và 15 điểm cho phần thi nói, nếu không, thí sinh được coi là không đỗ kỳ thi.

§ 7 Wiederholung und Zertifizierung der Prüfung

Es gelten § 14 und § 15 der *Prüfungsordnung*.

In Ausnahmefällen und sofern es die organisatorischen Möglichkeiten am Prüfungszentrum erlauben, sind Teilwiederholungen möglich, d.h. die Wiederholung entweder der mündlichen Prüfung oder der gesamten schriftlichen Prüfung. Ein Anspruch auf Teilwiederholung seitens der Teilnehmenden besteht nicht. Teilwiederholungen sind innerhalb eines Jahres nur am selben Prüfungszentrum möglich, an dem die erste Prüfung durchgeführt wurde. Das Prüfungszentrum kann eine Bearbeitungsgebühr für die Teilwiederholung verlangen.

§ 7 Thi lại và cấp chứng chỉ

Mục này áp dụng § 14 và § 15 của *Quy chế thi*.

Trong các trường hợp ngoại lệ và nếu điều kiện tổ chức tại trung tâm tổ chức thi cho phép thì có thể chấp nhận việc thi lại từng phần, có nghĩa là chỉ thi lại phần thi nói hoặc toàn bộ phần thi viết. Thí sinh không có quyền đòi thi lại từng phần. Việc thi lại từng phần chỉ có thể diễn ra trong vòng một năm tại chính trung tâm tổ chức thi mà thí sinh đã tham dự kỳ thi đầu tiên. Trung tâm tổ chức thi có thể yêu cầu đóng phí cho việc thi lại từng phần này.

§ 8 Schlussbestimmungen

Diese *Durchführungsbestimmungen* treten am 1. September 2025 in Kraft und gelten erstmals für Prüfungsteilnehmende, deren Prüfung nach dem 1. September 2025 stattfindet.

Im Falle von sprachlichen Unstimmigkeiten zwischen den einzelnen Sprachversionen der *Durchführungsbestimmungen* ist die deutsche Fassung maßgeblich.

§ 8 Kết luận

Các *quy định tổ chức thi* nêu trên có hiệu lực từ ngày 01 tháng 09 năm 2025 và áp dụng cho những thí sinh dự thi sau ngày 01 tháng 09 năm 2025

Trong trường hợp có những chi tiết không thống nhất giữa các bản dịch của *Các quy định tổ chức thi* này, thì phiên bản bằng tiếng Đức được lấy làm chuẩn.

Legende zu Formatierungen:

VERSAL: Prüfungsnamen und Prüfungsteile (z. B. „Prüfungsteil SPRECHEN“)

kursiv: Dokumentenbezeichnungen, Eigennamen, Verweise (z. B. „Der *Antwortbogen* wird ...“)

ANHANG

Zusätzliche Regelungen zur Durchführung digitaler Deutschprüfungen

Digitale Deutschprüfungen werden in Präsenz an einem Laptop des Prüfungszentrums des Goethe-Instituts abgelegt. Abweichend oder zusätzlich zu den oben stehenden Regelungen gilt Folgendes:

1. Abweichend von 1.2 (Prüfungsmaterialien) gilt:

Sämtliches Prüfungsmaterial der Module/Prüfungsteile LESEN, HÖREN und SCHREIBEN wird den Prüfungsteilnehmenden mittels einer Testplattform digital vorgelegt und von diesen digital bearbeitet. Die Prüfungsteilnehmenden verfassen ihre Texte mit einer deutschen Tastatur. Das digitale Material entspricht inhaltlich der papierbasierten Prüfung. Die Übertragung auf Antwortbögen entfällt, da die Prüfungsteilnehmenden ihre Lösungen und ihre Texte direkt auf der Testplattform eingeben. Eine Änderung ihrer Lösungen und ihrer Texte ist so lange möglich, bis das jeweilige Modul bzw. bei nicht-modularen Prüfungen die schriftliche Prüfung abgegeben wurde bzw. die vorgegebene Prüfungszeit abgelaufen ist.

Die Teilnehmenden können am Anfang jedes Moduls bzw. bei nicht-modularen Prüfungen zu Beginn der schriftlichen Prüfung ein Tutorial mit Erklärungen zum Umgang mit der Testplattform ansehen. Die Prüfungszeit startet erst danach.

Die Texte zum Modul/Prüfungsteil HÖREN werden direkt durch die Testplattform über Kopfhörer ausgespielt.

Beim Modul/Prüfungsteil SPRECHEN erhalten die Prüfungsteilnehmenden die Aufgaben weiterhin auf Papier.

Für alle Module/Prüfungsteile können die Prüfungsteilnehmenden bei Bedarf vom Prüfungszentrum gestempeltes Konzeptpapier erhalten.

PHỤ LỤC

Các quy định bổ sung về tổ chức kỳ thi tiếng Đức dạng kỹ thuật số

Các kỳ thi tiếng Đức dạng kỹ thuật số được thực hiện trực tiếp trên máy tính xách tay tại trung tâm tổ chức thi của Viện Goethe. Các điểm sau đây khác hoặc được bổ sung cho các quy định đã được ghi ở phía trên:

1. Điểm khác với 1.2 (Tài liệu thi) như sau:

Thí sinh nhận tài liệu thi của các mô-đun /các phần thi ĐỌC, NGHE và VIẾT trên một phần mềm thi và làm bài trực tiếp trên nền tảng số. Thí sinh viết bài làm của mình bằng bàn phím tiếng Đức. Bài thi dạng kỹ thuật số có nội dung tương tự như bài thi dạng in trên giấy. Thí sinh không cần phải chuyển kết quả sang Phiếu trả lời, do đã làm bài thi trực tiếp trên phần mềm thi. Thí sinh có thể thay đổi đáp án và đoạn văn bản cho đến khi nộp bài thi của mô-đun tương ứng cũng như của phần thi viết không theo mô-đun hoặc cho đến khi hết giờ thi.

Khi bắt đầu mỗi mô-đun hay bắt đầu phần thi viết không theo mô-đun, thí sinh có thể xem phần hướng dẫn cách làm bài trên phần mềm thi. Sau đó thời gian thi mới bắt đầu.

Các bài cho mô-đun/phần thi NGHE được phát trực tiếp trên phần mềm thi thông qua thiết bị tai nghe.

Đối với mô-đun/phần thi NÓI, thí sinh tiếp tục nhận đề thi dạng giấy.

Đối với tất cả các mô-đun/các phần thi, thí sinh có thể nhận giấy nháp có dấu của trung tâm tổ chức thi nếu cần.

2. Abweichend von § 4 (Bewertung) gilt:

Die Aufgaben mit vorgegebenen Antwortmöglichkeiten in den Modulen/Prüfungsteilen LESEN und HÖREN werden technisch automatisiert durch die Testplattform bewertet. Bei den Modulen/Prüfungsteilen SCHREIBEN und SPRECHEN werden die Bewertungen durch zwei voneinander unabhängig Prüfende/Bewertende direkt auf der Testplattform eingegeben. Die Bewertungskriterien entsprechen den Bewertungskriterien der papierbasierten Prüfung. Die Prüfenden und Bewertenden authentifizieren sich auf der Testplattform durch individuelle Login-Daten, daher entfällt die Notwendigkeit einer Unterschrift.

2. Điểm khác với §4 (Chấm điểm) như sau:

Bài thi với các đáp án tùy chọn cho sẵn trong mô-đun/phần thi ĐỌC và NGHE được chấm điểm tự động ngay trên phần mềm thi. Mô-đun/phần thi VIẾT và NÓI được chấm độc lập bởi hai người chấm thi trực tiếp trên phần mềm thi. Các tiêu chí chấm thi cũng tương tự như các tiêu chí chấm bài thi trên giấy. Người hỏi thi và chấm thi xác thực danh tính trên hệ thống phần mềm thi thông qua mã đăng nhập nên không cần ký xác nhận.

Zusätzliche Regelungen zur Durchführung von Online-Deutschprüfungen

Online-Deutschprüfungen werden unter bestimmten Voraussetzungen (vgl. zusätzliche Regelungen in den Anhängen der *Prüfungsordnung* und *Durchführungsbestimmungen*) ortsunabhängig an einem privaten Desktop-Computer oder Laptop abgelegt. Für Online-Deutschprüfungen gilt Folgendes:

1. Abweichend von 1.2 (Prüfungsmaterial) gilt:

Sämtliches Prüfungsmaterial der Module/Prüfungsteile LESEN, HÖREN und SCHREIBEN wird den Prüfungsteilnehmenden mittels einer Testplattform digital vorgelegt und von diesen digital bearbeitet. Das digitale Material entspricht inhaltlich der papierbasierten Prüfung. Die Übertragung auf Antwortbögen entfällt, da die Prüfungsteilnehmenden ihre Lösungen und ihre Texte direkt auf der Testplattform eingeben. Eine Änderung ihrer Lösungen und ihrer Texte ist so lange möglich, bis das jeweilige Modul bzw. bei nicht-modularen Prüfungen die schriftliche Prüfung abgegeben wurde bzw. die vorgegebene Prüfungszeit abgelaufen ist.

Die Teilnehmenden können am Anfang jedes Moduls bzw. bei nicht-modularen Prüfungen zu Beginn der schriftlichen Prüfung ein Tutorial mit Erklärungen zum Umgang mit der Testplattform ansehen. Die Prüfungszeit startet erst danach.

Die Texte zum Modul/Prüfungsteil HÖREN werden direkt durch die Testplattform über den Lautsprecher ausgespielt.

2. Zusätzlich zu 2.1 (Vorbereitung) gilt:

2.1 Die Prüfungsteilnehmenden verwenden einen Desktop-Computer oder Laptop mit Netzbetrieb, stabiler Internetverbindung, integriertem Mikrofon, integriertem/externem Lautsprecher und integrierter/externer Webcam.

2.2 Die Tastatursprache ist auf Deutsch eingestellt.

2.3 Die Prüfungsteilnehmenden stellen die Erfüllung der **technischen Voraussetzungen**, die im Folgenden sowie im Buchungsprozess aufgeführt werden, für die Prüfungsdurchführung eigenverantwortlich sicher:

Các quy định bổ sung về tổ chức kỳ thi tiếng Đức trực tuyến

Trong một số điều kiện nhất định (đối chiếu Các quy định bổ sung trong phần phụ lục của *Quy chế thi* và *Các quy định tổ chức thi*), các kỳ thi tiếng Đức trực tuyến được tiến hành trên máy tính để bàn cá nhân hoặc máy tính xách tay (Laptop) tại bất cứ đâu. Đối với các kỳ thi tiếng Đức trực tuyến áp dụng những phần sau:

1. Điểm khác với 1.2 (Tài liệu thi) như sau:

Thí sinh nhận tài liệu thi của các mô-đun /các phần thi ĐỌC, NGHE và VIẾT trên một phần mềm thi và làm bài trực tiếp trên nền tảng đó. Bài thi dạng kỹ thuật số có nội dung tương tự như bài thi dạng in trên giấy. Thí sinh không cần phải chuyển kết quả sang Phiếu trả lời, do đã làm bài thi trực tiếp trên phần mềm thi. Thí sinh có thể thay đổi đáp án và đoạn văn bản cho đến khi nộp bài thi của mô-đun tương ứng cũng như của phần thi viết không theo mô-đun hoặc cho đến khi hết giờ thi.

Khi bắt đầu mỗi mô-đun hay bắt đầu phần thi viết không theo mô-đun, thí sinh có thể xem phần hướng dẫn cách làm bài trên phần mềm thi. Sau đó thời gian thi mới bắt đầu.

Các bài cho mô-đun/phần thi NGHE được phát trực tiếp trên phần mềm thi thi thông qua loa.

2. Bổ sung vào 2.1 (Chuẩn bị thi):

2.1. Thí sinh sử dụng một máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay có kết nối mạng, kết nối internet ổn định, có micro tích hợp, loa tích hợp/loa ngoài và webcam tích hợp/webcam ngoài.

2.2 Bàn phím được cài tiếng Đức.

2.3 Thí sinh có trách nhiệm bảo đảm đáp ứng các **điều kiện kỹ thuật** được nêu dưới đây cũng như trong quá trình đặt lịch để có thể thực hiện thi.

Technische Voraussetzungen:

Gerät:

- Desktop-, Laptop-Computer oder Chromebook
- Sicherheitsüberprüfung und ggf. zweite Kamera: Smartphone

Monitor:

- ein Monitor oder Bildschirm
- mehrere Monitore oder Doppelbildschirme sind nicht zulässig

Lautsprecher/Mikrofon:

- interner oder externer Lautsprecher sowie ein im Computer oder der Webkamera integriertes Mikrofon
- Kopfhörer mit oder ohne eingebautes Mikrofon oder In-Ear-Kopfhörer sind nicht zulässig.

Kamera:

- Integrierte Kamera oder eine separate Webkamera
- Hinweis: Die Kamera muss so bewegt werden können, dass die Prüfungsaufsicht einen 360°-Blick auf den Raum, einschließlich der Tischoberfläche und Tischunterseite, erhält.
- Ggf. Smartphone als zweite Kamera

Browser:

- Google-Chrome™-Browser
- Browser des Dienstleisters für die virtuelle Prüfungsüberwachung wird beim Technik-Check und am Prüfungstag bereitgestellt.

Internetverbindung:

- Erforderlich: Upload- und Download-Geschwindigkeit von 5 Mbit/s
- Empfehlung: 10 Mbit/s

2.4 Unmittelbar vor der Prüfungsdurchführung müssen alle Computer-Anwendungen und Programme geschlossen sein, die nicht für die Prüfung relevant sind.

3. Abweichend von 2.2 (Ablauf) gilt:

3.1 Die Prüfungsteilnehmenden sorgen dafür, dass sie die Prüfung in einem störungsfreien Raum mit adäquaten Licht- und Sitzverhältnissen ablegen. Räume mit mehr als einer Tür oder mit großen Glasfronten sind nicht erlaubt.

Các điều kiện kỹ thuật:

Thiết bị:

- Máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc Chromebook
- Kiểm tra an toàn và trong trường hợp cần thiết có thể sử dụng máy quay thứ hai: điện thoại thông minh

Màn hình:

- Một màn hình điều khiển hoặc màn hình
- Nhiều màn hình hoặc màn hình đôi không được phép

Loa / Mi-crô:

- Loa trong hoặc loa ngoài cũng như mi-crô được tích hợp vào máy tính hoặc webcam
- Tai nghe có hay không có kèm mi-crô hoặc tai nghe trong tai không được chấp nhận.

Máy quay:

- Máy quay tích hợp được cài đặt trong máy hoặc Webcam tách rời
- Lưu ý: Máy quay phải có chức năng di chuyển, để người trông thi có góc nhìn 360 độ của cả phòng thi, bao gồm mặt bàn và gầm bàn.
- Trong trường hợp cần thiết, có thể sử dụng điện thoại thông minh như máy quay thứ hai

Trình duyệt:

- Trình duyệt Google-Chrome
- Trình duyệt của nhà cung cấp cho việc giám sát thi trực tuyến được cung cấp trong quá trình kiểm tra kỹ thuật và vào ngày thi.

Kết nối internet

- Yêu cầu: Tốc độ tải lên và tải xuống là 5Mbit/s
- Đề xuất: 10 Mbit/s

2.4 Ngay trước khi tiến hành kỳ thi, tất cả các ứng dụng và chương trình máy tính không liên quan đến kỳ thi phải được đóng lại.

3. Điểm khác với 2.2 (Quy trình thi) như sau:

3.1 Các thí sinh phải đảm bảo làm bài thi trong một căn phòng yên tĩnh có đủ điều kiện ánh sáng và chỗ ngồi. Những phòng có nhiều hơn một cửa hoặc có mặt tiền bằng kính lớn không được chấp nhận.

3.2 Während der Prüfung befinden sich außer dem/der Prüfungsteilnehmenden keine weiteren Personen oder Haustiere im Raum, Tür und Fenster werden geschlossen.

3.2 Trong khi làm bài thi, ngoài thí sinh ra, không có ai khác hay động vật ở trong phòng. Cửa và cửa sổ phải đóng.

3.3 Zur Sicherstellung, dass während der Prüfung keine weiteren Personen den Raum betreten, müssen Arbeitsplatz und Webcam so ausgerichtet werden, dass der/die Prüfungsteilnehmende und die Tür permanent im Bild sind.

3.3 Để đảm bảo trong khi làm bài không có người khác vào phòng, cửa sổ máy tính và webcam phải được căn chỉnh sao cho thí sinh và cửa luôn trong khung hình.

3.4 Der Prüfungsplatz wird so eingerichtet, dass die Arbeitsfläche leer ist und sich außer dem Desktop-Computer mit Monitor oder Laptop, Lichtbildausweis, ggf. Tastatur und Lautsprecher keine weiteren Gegenstände auf dem Tisch befinden. Wenn der Arbeitstisch über Schubladen verfügt, müssen diese vor der Prüfung leergeräumt werden. Hierzu erfolgt eine Kontrolle.

3.4 Địa điểm thi phải được bố trí sao cho bề mặt bàn làm bài trống và trên bàn không có đồ vật gì khác ngoài máy tính để bàn có màn hình hoặc máy tính xách tay, giấy tờ tùy thân có ảnh, bàn phím và loa nếu cần. Nếu bàn có ngăn kéo thì ngăn kéo phải được dọn sạch trước khi làm bài thi. Việc này sẽ được kiểm tra.

3.5 Zur Überprüfung der Einhaltung der Prüfungsbedingungen führt die Prüfungsaufsicht zusammen mit dem/der Prüfungsteilnehmenden eine Überprüfung des Raums per Webcam durch.

3.5 Để kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện thi, giám thị sẽ kiểm tra phòng qua webcam cùng với thí sinh dự thi.

3.6 Der/Die Prüfungsteilnehmende muss während der ganzen Prüfung erkennbar sein. Das Gesicht und die Ohren des/der Prüfungsteilnehmenden müssen während der gesamten Prüfung sichtbar sein und dürfen nicht verdeckt werden.

3.6 Trong suốt quá trình làm bài, thí sinh phải được nhận diện rõ. Khuôn mặt và tai của thí sinh phải được nhìn thấy trong suốt quá trình làm bài và không được che khuất.

3.7 Smartwatches, analoge Uhren, Schmuckstücke im Gesichtsbereich, Haarschmuck sowie gesichtsnahe Accessoires, wie z.B. Tücher, Schals, Krawatten, dürfen während der Prüfung nicht getragen werden, um zu gewährleisten, dass keine unerlaubten technischen Hilfsmittel benutzt werden.

3.7 Đồng hồ thông minh, các loại đồng hồ tương tự, đồ trang sức ở trên mặt, phụ kiện tóc và phụ kiện gần mặt, ví dụ như khăn choàng, khăn quàng cổ, cà vạt, không được đeo trong quá trình làm bài thi để đảm bảo thí sinh không sử dụng công cụ hỗ trợ kỹ thuật trái phép.

3.8 Mobiltelefone und weitere mobile Endgeräte müssen nachweislich ausgeschaltet und außerhalb der Reichweite des/der Prüfungsteilnehmenden deponiert werden.

3.8 Điện thoại di động và các thiết bị di động khác phải chứng minh là đã được tắt và để ra khỏi tầm với của thí sinh dự thi.

3.9 Prüfungsteilnehmende verpflichten sich, die vorbereitenden Schritte zur Prüfungsdurchführung sowie die Hinweise der Prüfungsaufsicht zu beachten und Anweisungen umzusetzen.

3.9 Thí sinh cam kết tuân thủ các bước chuẩn bị cho kỳ thi cũng như các hướng dẫn của giám thị và thực hiện các hướng dẫn.

3.10 Der schriftliche Teil der Online-Deutschprüfung findet als Einzelprüfung statt. Der Prüfungsteil/Das Modul SPRECHEN wird abhängig von den Gegebenheiten am Prüfungszentrum entweder als Einzel- oder Paarprüfung durchgeführt.

Die zeitliche Organisation der Prüfung erfolgt gemäß 1.4.: Falls während der schriftlichen Prüfung ein Toilettengang erforderlich ist, wird der Zeitplan beibehalten und die Prüfungszeit nicht verlängert.

4. Abweichend von § 4 und § 5 (Bewertung) gilt:

Die Aufgaben mit vorgegebenen Antwortmöglichkeiten in den Modulen/Prüfungsteilen LESEN und HÖREN werden technisch automatisiert durch die Testplattform bewertet. Bei den Modulen/Prüfungsteilen SCHREIBEN und SPRECHEN werden die Bewertungen durch zwei voneinander unabhängige Prüfer/Bewertende direkt auf der Testplattform eingegeben. Die Bewertungskriterien entsprechen den Bewertungskriterien der papierbasierten Prüfung (siehe dazu § 4 und § 5). Die Prüfer und Bewertenden authentifizieren sich auf der Testplattform durch individuelle Login-Daten, daher entfällt die Notwendigkeit einer Unterschrift.

3.10 Các phần viết của kỳ thi tiếng Đức trực tuyến diễn ra dưới dạng các kỳ thi riêng lẻ. Phần thi/mô-đun NÓI được thực hiện dưới dạng thi cá nhân riêng lẻ hoặc thi theo cặp tùy thuộc vào điều kiện của trung tâm tổ chức thi.

Thời gian làm bài diễn ra như 1.4.: Nếu cần phải đi vệ sinh trong quá trình làm bài viết, tiến trình thi được giữ nguyên và thời gian làm bài không được kéo dài.

4. Điểm khác với § 4 và § 5 (Chấm điểm) như sau:

Bài thi với các đáp án tùy chọn cho sẵn trong mô-đun/phần thi ĐỌC và NGHE được chấm điểm tự động ngay trên phần mềm thi. Mô-đun/phần thi VIẾT và NÓI được chấm điểm bởi hai người chấm thi trực tiếp trên phần mềm thi. Các tiêu chí chấm thi cũng tương tự như các tiêu chí chấm bài thi trên giấy (xem thêm § 4 và § 5). Người hỏi thi và chấm thi xác thực danh tính trên hệ thống phần mềm thi thông qua mã đăng nhập nên không cần ký xác nhận.